



Bài báo nghiên cứu NHỮNG HÀNG GIẬU XANH VÀ TƯ TƯỞNG MĨ HỌC SINH THÁI TRONG THƠ CA TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Đàm Anh Thu

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đàm Anh Thu – Email: thuda@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 03-02-2022; ngày nhận bài sửa: 21-3-2022; ngày duyệt đăng: 18-4-2022

TÓM TẮT

Hàng giậu là hình ảnh quen thuộc trong thơ ca trung đại Việt Nam, đã từng được các nhà nghiên cứu xác định như một dấu hiệu của tính dân tộc. Tuy nhiên, bài viết tiếp cận hình ảnh hàng giậu từ một góc nhìn khác: góc nhìn mỹ học sinh thái. Từ góc nhìn này, bài viết tập trung phân tích ý nghĩa của hình ảnh những hàng giậu xanh trong việc thể hiện mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, xây dựng nên một thế giới cộng sinh mang nét đẹp riêng của văn học trung đại Việt Nam. Trong thời đại sinh thái toàn cầu đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, việc khám phá tư tưởng mỹ học sinh thái truyền thống càng ngày càng trở nên cấp thiết và quan trọng hơn. Điều này không chỉ có ý nghĩa với độc giả yêu thơ, mà lớn hơn, còn với cả cộng đồng những độc giả quan tâm đến ý thức về môi trường.

Từ khóa: mỹ học sinh thái; hàng giậu; thơ ca trung đại Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Hàng giậu là hình ảnh quen thuộc xuất hiện trên trang thơ của nhiều tác giả trung đại Việt Nam. Chúng từng gợi cho các nhà nghiên cứu suy nghĩ về tính dân tộc của thơ ca trung đại. Trước hàng giậu nở hoa như gấm vóc trong *Quốc âm thi tập*, nhà nghiên cứu Đặng Tiến tự hỏi: “Phải chăng Nguyễn Trãi đã đưa làng mạc Việt Nam vào thơ? Nghĩa là đưa phong cảnh Việt Nam vào thơ” (Dang, 2009, p.108). Tuy nhiên, khác với công trình của người đi trước, bài viết này không khai thác phong vị Việt Nam qua hình ảnh hàng giậu mà sẽ tiếp cận nó từ góc nhìn mỹ học sinh thái, một góc nhìn đang được chú ý trong bối cảnh khủng hoảng môi sinh hiện nay, với mục đích khám phá tư tưởng mỹ học sinh thái mà người xưa đã thể hiện qua thi ca. Những tư tưởng ấy có ý nghĩa tích cực đối với việc xây dựng quan điểm mỹ học sinh thái cho thơ ca đương đại, đồng thời góp phần làm thay đổi nhận thức và ứng xử của con người hiện đại với tự nhiên.

Cite this article as: Đàm Anh Thu (2022). The green hedges and ecological aesthetic thought in Vietnamese medieval poetry. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(4), 542-549.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề cơ bản của mỹ học sinh thái

Chính thức xuất hiện trong giới mỹ học phương Tây vào những năm 1970, mỹ học sinh thái là một hình thức mỹ học mới có nhiều tiềm năng phát triển trong bối cảnh văn minh sinh thái. Rachel Carson, người tiên phong của phong trào sinh thái Mỹ, trong tác phẩm *Mùa xuân vắng lặng* (*Silent Spring*), đã đưa ra một phân tích khoa học chuyên sâu, chi tiết về ô nhiễm thuốc trừ sâu và cuộc khủng hoảng sinh thái thực tế ở Mỹ. Bằng cách kết hợp tư duy triết học với đánh giá đạo đức và biểu hiện thẩm mỹ, bà đã mở ra mô hình tư duy sớm nhất của nghiên cứu nhân văn sinh thái toàn diện, đồng thời khiến cho công trình của mình có nhiều giá trị đối với nghiên cứu mỹ học sinh thái. Đến những năm 2000, trên cơ sở bổ sung tư tưởng mỹ học, triết học của phương Đông vào lý thuyết phê bình sinh thái phương Tây, các học giả Trung Quốc đã phát triển mỹ học sinh thái một cách mạnh mẽ. Tăng Phồn Nhân (Zeng Fanren), nhà nghiên cứu tiêu biểu cho mỹ học sinh thái Trung Quốc, cho rằng mỹ học sinh thái là con đường “hòa giải” giữa Chủ nghĩa nhân loại trung tâm (*Anthropocentrism*) và Chủ nghĩa sinh thái trung tâm (*Ecocentrism*), hướng đến sự thống nhất giữa quan điểm sinh thái, quan điểm nhân văn và quan điểm mỹ học. Ông nhấn mạnh: “Nó chủ yếu bao gồm sự thống nhất giữa giá trị tương đối của con người và giá trị tương đối của tự nhiên”¹ (Zeng, 2019, p.29). Trong quá khứ, việc lấy nhân loại làm trung tâm, cổ vũ tuyệt đối cho các nhu cầu của con người đã tàn phá nghiêm trọng hệ sinh thái tự nhiên và hậu quả của nó chính là cuộc khủng hoảng về môi trường đang ngày càng tồi tệ hơn vào thế kỷ XXI. Vì thế, con người không thể tiếp tục theo đuổi Chủ nghĩa nhân loại trung tâm. Ngược lại, việc lấy sinh thái làm trung tâm tuyệt đối “dẫn đến phủ nhận hoàn toàn các nhu cầu và giá trị của con người, từ đó dẫn đến phủ định con người” (Zeng, 2019, p.29) cũng là con đường không hợp lý. Chúng ta cần có một con đường mới, con đường dung hợp, hoà giải, thay thế cho các khuynh hướng cực đoan, hướng đến xây dựng mối quan hệ “cộng sinh” (symbiotic) giữa con người và tự nhiên. Tinh thần này là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển của mỹ học sinh thái.

Có nhiều hướng để tiếp cận mỹ học sinh thái nhưng chúng tôi chủ yếu quan tâm đến sự kết hợp giữa nhận thức về sinh thái và hoạt động sáng tạo của các nhà thơ. Cụ thể hơn, trong bài viết này, từ một hình ảnh đời thường đã được mỹ hóa bằng thơ ca, *hình ảnh hàng giậu xanh*, chúng tôi hướng đến khám phá những quan niệm truyền thống liên quan đến vấn đề sinh thái. Mặc dù không ra đời trong bối cảnh khủng hoảng sinh thái nhưng thơ ca trung đại phần nào vẫn thể hiện trí tuệ của người xưa về môi trường tự nhiên. Những gì tác giả trung đại lưu giữ trong thơ sẽ giúp chúng ta trả lời câu hỏi rằng trước khi việc cải tạo tự nhiên trở thành mục đích tối thượng trong mọi hoạt động, tự nhiên đã được nhận thức như

¹ Người viết tự dịch. Nguyên văn: “...it includes mainly the unity of the relative value of human beings and the relative value of nature.”

thể nào và từng giữ vai trò ra sao trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói riêng, đời sống con người nói chung.

2.2. *Thế giới cộng sinh bình đẳng trong thơ ca trung đại qua hình ảnh “những hàng giậu xanh”*

Tôn kính tự nhiên là thái độ chung của các nhà thơ trung đại. Sự lí giải của phương Đông về nguồn gốc của thi ca bao hàm mối quan hệ giữa hành động sáng tạo của con người và vẻ đẹp vốn có của tự nhiên. Trong tác phẩm lí luận nổi tiếng của Trung Quốc *Văn tâm điều long*, nhà phê bình văn học Lưu Hiệp (465?-522) đã tuyên bố rằng “văn” – với ý nghĩa là hoa văn, hình thức, các văn bản có chữ viết, văn học (theo nghĩa hiện đại) và văn hóa – được “sinh ra cùng trời đất”. Điều này cũng có nghĩa là văn của nhân loại vốn dĩ bắt nguồn từ vũ trụ. Mở đầu thiên *Nguyên đạo*, ông viết:

Cái đức của văn, lớn thay. Văn sinh ra cùng trời đất. Sao vậy? Từ thuở màu đen màu vàng hợp lại, thể vuông thể tròn phân ra, nhật nguyệt như hai hòn ngọc lớn, diễn cái tượng của bầu trời, núi sông đầy vẻ diệu kì, phô cái hình của mặt đất. Đó là văn của đạo vậy. Ngẩng lên xem sự diệu kì, cúi xuống ngắm vẻ rực rỡ, cao thấp định vị, cho nên âm dương sinh ra. Lại có con người tham dự vào, tính linh chung đức. Trời, đất, người, đó làm tam tài. Người là tinh hoa của ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ, thực là cái tâm của trời đất. (Luu, 2007, p.48)

“Màu đen màu vàng” (huyền hoàng) là màu sắc của trời và đất, “thể vuông thể tròn” là hình dáng của đất và trời trong quan niệm của người xưa. Có thể nói, tự nhiên chính là trời và đất, là mặt trăng, mặt trời, là các hiện tượng đang nảy sinh từng ngày trong vũ trụ. Trần Thánh Tông, tác giả thuộc về nền văn học viết giai đoạn sơ khai của Việt Nam, đã viết trong *Hạnh An Bang phủ*:

*Triều du phù vân kiệu,
Mộ túc minh nguyệt loan.
Hốt nhiên đắc giai thú,
Vạn tượng sinh hào đoan.*

(*Hạnh An Bang phủ*, Trần Thánh Tông)

(Sáng chơi trên ngọn núi có đám mây nổi,
Tối về nghỉ ở eo biển trăng sáng.
Bỗng nhiên được hứng thú hay,
Muôn hình tượng nảy sinh ra đầu ngọn bút.)

(*Đạo chơi phủ An Bang*)

“Vạn tượng” mà Trần Thánh Tông nói đến nhấn mạnh ở “cảnh”, tức ở tự nhiên. Tự nhiên qua sự hình dung của Trần Thánh Tông bao gồm cả không gian của “trời” và “đất”, “núi” và “nước” trong sự vận hành không ngừng nghỉ của thời gian biểu hiện qua cặp ẩn dụ “sớm” - “tối”.

Trên một nguyên tắc sáng tạo như vậy, các nhà thơ trung đại xây dựng nên thế giới thi ca của riêng họ. *Giậu*, rào *giậu* trong thơ chữ Nôm, hoặc *li* 篱 trong thơ chữ Hán, vừa là

hình ảnh thực vừa đại biểu cho cái nhìn và thái độ ứng xử của các tác giả đối với tự nhiên. Cung vàng điện ngọc, lẽ tất nhiên, không thể có hàng giậu hoa cúc hay hàng rào tre trúc thưa vắng trước sân. Cái hàng giậu xanh ngắt sắc màu cỏ hoa kia chỉ thuộc về không gian ẩn dật trong thơ sơn thủy điền viên của những bậc hiền giả. Chính ở đây, hàng giậu thể hiện ý nghĩa đầu tiên. **Hàng giậu thắm sắc vàng hoa cúc là biểu tượng cho sự trở về với tự nhiên**, khởi nguồn từ hai câu thơ nổi tiếng của Đào Uyên Minh, một danh sĩ đời Tấn (Trung Hoa):

*Thái cúc đông li hạ,
Du nhiên kiến Nam sơn.*

(*Âm tửu kì 5*, Đào Uyên Minh)

(Dưới giậu đông hái cúc,
Xa thấy núi Nam Sơn.)

(*Uống rượu kì 5*)

Sự trở về của Đào Uyên Minh là điều mà vua Trần Minh Tông ngưỡng vọng:
*Ngâm nhập hoàng hoa tửu khả khuynh,
Cúc li thu sắc vẫn do hình.
Cổ kim nhân vật tri đa thiếu,
Nhất trích Nam sơn vị liễu thanh.*

(*Cúc*, Trần Minh Tông)

(Vịnh tới hoa cúc thì có thể nghiêng bầu chuốc chén,
Giậu cúc vào lúc sắc thu đã muộn vẫn còn thơm.
Nhân vật nổi tiếng xưa nay biết bao người,
Chỉ một giọt thôi, vẫn chưa hiểu rõ được câu thơ có hai chữ “núi Nam”.)
Áy cũng là sự trở về mà Trịnh Hoài Đức, danh sĩ đất Gia Định xưa tự hào:
*Bốc trạch đắc kì sở,
Siêu nhiên dĩ bảo chân.
Trúc li tam khúc kính,
Thôn xá nhất nhàn nhân.*

(*Đề Ngô Tùng Chu u cư*, Trịnh Hoài Đức)

(Bói chọn được nơi làm nhà tốt,
Đứng ngoài cuộc thế để giữ lấy cái chân.
Giậu trúc ba luống cúc,
Nhà trong thôn một người nhàn.)

(*Đề chỗ ở ẩn của Ngô Tông Châu*)

Bên cạnh hoa cúc, trúc là loài cây gắn với hình ảnh hàng giậu trong thơ trung đại:
*Giậu thưa thưa hai khóm trúc
Giường thấp thấp một nổi hương.
Vườn chim kết bạn non nước quạnh,*

Cầm sách cùng nhau ngày tháng trường.

(Tức sự bài 4, Nguyễn Trãi)

Trúc, với Úc Trai, là tấm ngăn ông với danh lợi và sự trói buộc của nhân thế: “*Vườn quỳnh dầu chim kêu hót/ Cõi trần có trúc đứng ngăn*” (Tự thán bài 40). Trúc không vướng tục nên giậu trúc một mặt ngăn khách tục bên ngoài, nhưng mặt khác lại liên kết với tự nhiên xung quanh, khiến không gian ẩn cư trở thành một bộ phận của không gian tự nhiên, người ẩn sĩ trở thành một bộ phận của vạn vật trong tự nhiên. Do đó, **ở hàm nghĩa thứ hai, hàng giậu là không gian môi giới giữa con người và vũ trụ**. Chỉ khi con người quay trở lại với trạng thái phù hợp với tự nhiên, họ mới đạt đến sự tự do tuyệt đối. Trở về, không phải chỉ là sự quay lại với một vùng không gian, sự di chuyển về mặt vật lí, mà còn là sự trở về cội nguồn của tâm linh.

Không chỉ vậy, từ không gian môi giới là hàng giậu, ở mức độ nhất định, chúng ta còn giải mã được ý nghĩa của “tự nhiên” theo quan niệm người xưa. Tự nhiên được hiểu là thế giới hoang dã, vắng bóng con người. Và vì vắng bóng khách phàm, tự nhiên còn mang ý nghĩa tự do. Ở nơi đó, hoa cỏ cùng muông thú, hay nói cách khác, thực vật cùng động vật sinh trưởng và hoạt động, không lo sợ những cuộc xâm lấn thô bạo từ bên ngoài. Bởi thế, trong mắt của các nhà thơ, tự nhiên chính là cái đẹp thuần khiết và vô hạn. Nó có khả năng thay thế mọi âm thanh và vật chất do con người tạo ra, như Nguyễn Trãi đã viết:

*Quán huyền tào tạp lâm biên điệu,
La ý phương phân ổ lí hoa.
Nhãn để nhất thì thi liệu phú,
Ngâm ông thùy dữ thế nhân đa.*

(Hí đề, Nguyễn Trãi)

Chim bên rừng riu rít như đàn sáo
Hoa trong giậu như lụa là thơm ngát
Nơi đáy mắt nhà thơ, một khi đã giàu thi liệu
Thì nhà thơ với người đời, ai hơn ai?)

(Đề vui)

Thái độ trân trọng tự nhiên, niềm vui khi được quay về với tự nhiên của Úc Trai thống nhất với quan niệm về “nhân” từ thuở ông thảo thư viết hịch. Nếu ở *Bình Ngô đại cáo*, “nhân” là sự thương xót cho côn trùng, cây cỏ bị giặc Minh tàn hại thì ở những bài thơ ẩn dật, “nhân” có thể được hiểu là thái độ tôn trọng, kết bạn bình đẳng với tự nhiên. Từ góc nhìn mỹ học sinh thái, thái độ này đã hình thành nên một giá trị sáng tạo mà ở đó khoảng cách giữa chủ thể và khách thể, giữa nhân loại và phi nhân loại được xóa bỏ. Ranh giới giữa thế giới con người và thế giới hoang dã trong thơ ca trung đại bị xóa nhòa không chỉ được thể hiện trong sáng tác của một nhà nho như Nguyễn Trãi mà sáng tác của một thiền gia như Tuệ Trung thượng sĩ cũng cho thấy quan niệm tương tự:

Phúc Đường cảnh trí dĩ lang đang,

Lại hữu thiên phong tập tập lương.

Li lạc tiêu sơ trù duẩn sáu,

Môn đình u thủy tịch tùng hoang.

(*Phúc Đường cảnh vật, Tuệ Trung thượng sĩ*)

(Phong cảnh Phúc Đường thật đã thoáng đãng,

Nhờ có ngọn gió thiên vi vu mát rượi.

Giậu đổ tiêu điều, nảy chồi măng gậy,

Sân công thâm u kẻ góc thông hoang.)

(*Cảnh vật Phúc Đường*)

Tuệ Trung thượng sĩ đánh giá cao thế giới hoang dã. Giậu đổ là nơi cho măng nảy mầm, sân công liền kề với góc thông hoang. Phong cảnh Phúc Đường được miêu tả là những địa điểm có thiên nhiên nguyên sơ, nguyên bản, ít bị can thiệp bởi con người. Nhìn chung, dưới ngòi bút của các ẩn sĩ, rừng hoang núi vắng không phải là những cảnh quan khủng khiếp liên quan đến nguy hiểm hoặc bạo lực. Trái lại, chúng được lí tưởng hóa như những nơi trong sạch, tôn nghiêm và an toàn, nơi giúp họ lánh xa bụi bặm hồng trần, hoặc nơi mà con người có thể cảm nhận được tinh thần tự do của tự nhiên, từ đó, theo đuổi sự giác ngộ tâm linh. Vũ trụ, qua sự chiêm nghiệm của các nhà thơ, là một quá trình sản sinh, sáng tạo và sinh trưởng vô tận, một quá trình liên tục của sự sống. Mọi thứ đều là một phần nội tại của vũ trụ và đều xứng đáng tận hưởng quyền được sinh trưởng, được phát triển một cách bình đẳng. Đọc thơ xưa, chúng ta lại nhận được một thông điệp mang tính đương đại. Tự nhiên không nên chỉ được xác định bởi các giá trị công cụ mà càng nên được tôn trọng bởi giá trị tự thân của chúng. Thông điệp xuất hiện từ trước thế kỉ XX này chính là điều mà những người làm nghệ thuật mong muốn bảo vệ Trái đất xanh của thế kỉ XXI đang hướng đến.

Đến thế kỉ XVIII, ngay cả khi bờ giậu không còn hoàn toàn mở ra không gian hoang dã, nó vẫn giữ ý nghĩa kết nối giữa con người và tự nhiên. Vào một ngày mùa hạ, lúc bờ ao trúc mọc, bờ giậu nở hoa, Nguyễn Công Trứ nghĩ đến sự hòa điệu của con người cùng vòng sinh trưởng của vũ trụ:

Trì đường tịnh trường ông tôn trúc,

Li lạc tề khai tử muội hoa.

Buổi thời huân mấy khúc cầm ca,

Vời trời đất cũng sinh sinh trường trường.

(*Vịnh mùa hạ, Nguyễn Công Trứ*)

Hay một ngày mùa thu, đối diện với những chùm hoa trước giậu, Nguyễn Khuyến nhớ Đào Tiềm, cũng là nhớ đến giấc mơ về làm nhà dưới chân núi Nam, hái cúc ở giậu đông:

Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,

Một tiếng trên không ngỗng nước nào?

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

(*Thu vịnh*, Nguyễn Khuyến)

Việc dùng điển trong thơ Nguyễn Khuyến khá mơ hồ nhưng câu cuối nhắc đến Đào Tiềm là một tín hiệu có khả năng tạo nên liên tưởng. Mặc dù không gian ẩn dật trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Khuyến đã dời từ chôn lâm tuyền vắng vẻ về nơi xóm làng đầy ắp bóng dáng con người song hàng giậu trong *Thu vịnh* vẫn gợi nhắc đến người ẩn sĩ từng làm nhà nơi nước non xa vắng, chờ đợi hoa cúc nở bên hàng giậu, tĩnh lặng lắng nghe nhịp điệu của thời gian. Hàng giậu, với Tam Nguyên Yên Đổ, chưa mất đi ý nghĩa môi giới giữa con người và tự nhiên:

*Li bạn sâm si bán lục trúc,
Song tiền niêu na tân hồng mai.
Hàm bôi toạ khán nhất vi tiếu,
Bất phụ hưu ông tích nhật tài.*

(*Vịnh cúc kì 2*, Nguyễn Khuyến)

(Bên giậu lô nhô những cây trúc xanh nửa vò, trước cửa sô, cây mai hồng mềm mại mới nảy ra. Ta ngậm chén ngồi nhìn, mỉm miệng cười, thật không phụ công ông già về hưu đã vun trồng từ trước.)

Tóm lại, góp mặt trong nhiều tác phẩm thuộc thể loại sơn thủy điền viên, những hàng giậu của hoa, của trúc đã hé mở cánh cửa để người đọc bước vào một hệ sinh thái xanh. Vì lí do này, chúng xứng đáng được xem là những “hàng giậu xanh”, biểu tượng cho một thế giới cộng sinh lí tưởng, ngôi nhà chung dành cho vạn vật của thơ ca trung đại Việt Nam.

3. Kết luận

Từ một vật dụng mang ý nghĩa ngăn cách giữa các vùng không gian, dưới ngòi bút sáng tạo của các tác giả, hàng giậu trở thành minh chứng cho mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Thơ ca trung đại giúp chúng ta hiểu rằng con người chỉ đạt được tự do chân chính khi tôn kính vẻ đẹp tự nhiên và có thể sống như một phần hữu cơ của thế giới tự nhiên cùng các quá trình của nó. Sự khủng hoảng nghiêm trọng về sinh thái toàn cầu là vấn đề bức thiết đối với con người trên thế giới hiện nay. Chính vì vậy, ở lĩnh vực văn học, mỹ học sinh thái cũng góp phần giúp độc giả nhận thức vấn đề môi trường, mà lớn hơn, còn với cả cộng đồng xã hội.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dang, T. (2009). *Tho, thi pháp và chân dung [Poetry, Poetics and Portrait]* (2nd ed.). Hanoi: Women Publishing House.
- Dao, D. A. (1976). *Nguyen Trai toan tap [The Complete Works of Nguyen Trai]*. Hanoi: Society and Science Publishing House.
- Dao, U. M. (2018). *Dao Uyen Minh toan tap [The Complete Works of Dao Uyen Minh]*. Trans. Tran Trong Duong. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City General Publishing House.
- Doan, T. H. (2011). *Nguyen Cong Tru – Cuoc doi va Tho [Nguyen Cong Tru – Life and Poems]*. Hanoi: Labor Publishing House.
- Hoai Anh (2006). *Gia Dinh tam gia [Three Great Poets of Gia Dinh]*. Dong Nai: Dong Nai General Publishing House.
- Luu, H. (2007). *Van tam dieu long [The Literary Mind and the Carving of Dragons]*. Trans. Tran Thanh Dam, Pham Thi Hao. Hanoi: Literature Publishing House.
- Nguyen, H. C., Do, V. H, Tran, T. B. T. & Pham T. C. (1988). *Tho van Ly Tran, Tap 2 [Ly Tran Poems and Writings, Vol.2]*. Institute of Literature. Hanoi: Society and Science Publishing House.
- Nguyen, V. H. (1984). *Nguyen Khuyen – Tac pham [Nguyen Khuyen – Literary Works]*. Hanoi: Society and Science Publishing House.
- Zeng, F. R. (2019). *Introduction to Ecological Aesthetics*. Trans. Wu Lihuan, Chad Austin Mayers. New York: Springer Publisher.

**THE GREEN HEDGES AND ECOLOGICAL AESTHETIC
THOUGHT IN VIETNAMESE MEDIEVAL POETRY**

Dam Anh Thu

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Dam Anh Thu – Email: thuda@hcmue.edu.vn

Received: February 03, 2022; Revised: March 21, 2022; Accepted: April 18, 2022

ABSTRACT

The hedge is a familiar image in medieval Vietnamese poetry, which has been identified as a sign of ethnicity by researchers. However, the article will examine the hedge imagery from a different perspective: ecological aesthetics. From this perspective, the article will focus on analyzing the meanings of the green hedge imagery in expressing the human-nature relationship, creating a symbiotic world with medieval Vietnamese poetry's own beauty. In an age of global ecological disruption, it grows more urgent and crucial every day to explore traditional ecological aesthetic thought. This makes sense not only for readers of poetry but also for the larger community of readers who are interested in environmental awareness.

Keywords: ecological aesthetics; hedge; Vietnamese medieval poetry